

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/DS-ST

Ngày: 19 - 6 - 2024

*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc T****

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Phi S****

2. Ông Sơn M****

- Thư ký phiên tòa: Ông Ứng Văn T**** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:
Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2024/QĐST-DS, ngày 30/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N****, sinh năm 1950

Địa chỉ: Số 75 đường Ngô Quyền, Khóm 5, phường Cái Vồn, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh K****, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 70/21, đường Trần Phú, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

Bị đơn:

1. Ông Trịnh Văn L****, sinh năm 1965. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị M****, sinh năm 1967. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Khóm 5, phường Thành Phước, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 02/4/2024 và qua quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N**** có ông Nguyễn Mạnh K**** đại diện theo ủy quyền trình bày: Vào ngày 09/8/2023 bà N**** có cho vợ chồng bà M****, ông L**** vay số tiền 70.000.000 đồng, có viết Giấy vay nợ (tiền) ngày 09/8/2023, bà M**** có ký tên nhận nợ, lãi suất tự thỏa thuận. Thời hạn vay 05 tháng (kể từ ngày 09/8/2023 đến ngày 09/01/2024).

Đến tháng 9/2023 bà N**** tiếp tục cho bà M****, ông L**** vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, không có làm biên nhận. Tổng cộng bà N**** cho bà M****, ông L**** vay với số tiền 80.000.000 đồng.

Nay bà Nguyễn Thị N**** yêu cầu buộc ông Trịnh Văn L**** và bà Nguyễn Thị M**** trả cho bà N**** số tiền 70.000.000 đồng theo Giấy vay nợ ngày 09/8/2023 và số tiền 10.000.000 đồng không có làm giấy tờ. Tổng cộng bà N**** yêu cầu ông L****, bà M**** trả số tiền là 80.000.000 đồng. bà N**** không yêu cầu tính lãi chậm trả.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị M**** trình bày: Bà thừa nhận nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà N****, bà có vay tiền của bà N**** theo Giấy nhận nợ với số tiền 70.000.000 đồng và vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, tổng cộng bà thiếu bà N**** số tiền 80.000.000 đồng. Bà có đóng lãi đầy đủ cho bà N****.

Việc vay tiền là do bà tự ý vay chứ chồng bà là ông L**** không biết việc này, việc trong Giấy nhận nợ có ghi tên chồng bà là do bà tự ý lấy căn cước công dân của ông L**** đưa cho bà N**** để bà N**** điền số căn cước công dân của ông L**** vô giấy nhận nợ.

Nay bà đồng ý trả cho bà N**** số tiền 80.000.000 đồng. Bà xin được trả nhiều lần.

*** Tại phiên tòa:**

- Ông Nguyễn Mạnh K**** đại diện theo ủy quyền của bà N**** trình bày: bà N**** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Trịnh Văn L**** và bà Nguyễn Thị M**** trả cho bà N**** số tiền 70.000.000 đồng theo Giấy vay nợ ngày 09/8/2023 và số tiền 10.000.000 đồng không có làm giấy tờ và yêu cầu trả một lần. bà N**** không yêu cầu tính lãi chậm trả.

- Bà Nguyễn Thị M**** trình bày: Bà có vay của bà N**** số tiền 70.000.000 đồng theo Giấy vay nợ ngày 09/8/2023 và số tiền 10.000.000 đồng không có biên nhận. Do có nhu cầu tiêu xài cá nhân và đi điều trị bệnh nên bà tự ý đi vay tiền của bà N**** và sử dụng số tiền vay đó vào mục đích riêng của bà,

ông L**** không biết việc này và cũng không có sử dụng chung số tiền này. Bà đồng ý tự chịu trách nhiệm trả nợ một mình cho bà N**** với số tiền 80.000.000 đồng và xin trả nhiều lần. Không đồng ý buộc ông L**** cùng liên đới trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng

Tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt không rõ lý do, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì. Do đó, căn cứ theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì việc vắng mặt của các đương sự là không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N**** về việc yêu cầu buộc ông Trịnh Văn L**** và bà Nguyễn Thị M**** liên đới trả cho bà số tiền 70.000.000 đồng theo Giấy vay nợ ngày 09/8/2023 và số tiền 10.000.000 đồng không có làm biên nhận. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại Giấy vay nợ (Tiền) ngày 09/8/2023 thể hiện bà Nguyễn Thị M**** có ký nhận để vay của bà Nguyễn Thị N**** số tiền 70.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà M**** thừa nhận có vay tiền này và đồng ý trả số tiền vay 70.000.000 đồng cho bà N****.

Ngoài ra, bà N**** còn khởi kiện yêu cầu bà M**** và ông L**** trả cho bà số tiền 10.000.000 đồng, số tiền này bà M**** vay mà không có ghi biên nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà M**** thừa nhận có vay số tiền này và đồng ý trả cho bà N**** toàn bộ số tiền vay là 80.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử buộc bà M**** phải trả cho bà N**** số tiền 80.000.000 đồng là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị N**** về việc buộc ông Trịnh Văn L**** cùng liên đới với bà M**** để trả cho bà số tiền 80.000.000 đồng là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Bởi các lý do sau:

- Trên Giấy vay nợ ngày 09/8/2023 chỉ thể hiện tên ông Trịnh Văn L**** nhưng ông L**** không có ký thừa nhận nợ trên giấy vay nợ.

- bà M**** thừa nhận việc vay tiền là do bà tự ý đi vay, ông L**** không biết việc này và cũng không có sử dụng chung số tiền vay này.

- bà N**** không có chứng cứ chứng minh việc ông L**** biết và đồng ý cho bà M**** vay tiền, cũng như việc ông L**** có sử dụng số tiền vay này hay không.

[3] Về lãi suất: Do bà Nguyễn Thị N**** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm:

- Do bà Nguyễn Thị N**** là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà N**** không phải nộp án phí.

- Buộc bà Nguyễn Thị M**** phải nộp số tiền 4.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 5; 35; 39; 147; khoản 2 Điều 227; 228; 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

- Các Điều 463; 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

- **Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14** ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N****.

Buộc bà Nguyễn Thị M**** phải trả cho bà Nguyễn Thị N**** số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N**** về việc buộc ông Trịnh Văn L**** liên đới với bà Nguyễn Thị M**** trả số tiền vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về lãi suất: Không giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị M**** phải nộp số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL: 01;
- VKSND TXBM: 01;
- Chi cục THADS TXBM: 01;
- Đương sự: 06;
- Lưu: 10.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc T****